



**GIỚI THIỆU
VỀ
XUẤT XỨ HÀNG HÓA**

CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Công ước Kyoto về đơn giản hóa và hài hòa TTHQ;
- Hiệp định về quy tắc xuất xứ hàng hoá của WTO;
- Luật Thương mại 2005;
- Luật Hải quan (2001, sửa đổi 2005);
- Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 quy định chi tiết Luật thương mại về xuất xứ hàng hoá;
- Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 quy định chi tiết một số điều về TTHQ, kiểm tra, giám sát HQ;

CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 08/2006/TT-BTM ngày 17/4/2006 và Thông tư số 10/2006/TT-BTM ngày 01/6/2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn cách xác định xuất xứ không thuần túy;
- Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công thương quy định thủ tục cấp C/O hàng hóa ưu đãi;
- Thông tư số 45/2007/TT-BTC ngày 07/5/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện thuế suất ưu đãi đặc biệt;
- Thông tư 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về TTHQ, thuế XNK, quản lý thuế;

Khái niệm

1. “Xuất xứ hàng hóa” là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.

Khái niệm

2. "**Quy tắc xuất xứ ưu đãi**" là các quy định về xuất xứ áp dụng cho hàng hóa có thoả thuận ưu đãi về thuế quan và ưu đãi về phi thuế quan.
3. "**Quy tắc xuất xứ không ưu đãi**" là các quy định về xuất xứ áp dụng cho hàng hóa không thực hiện theo quy tắc xuất xứ ưu đãi và trong các trường hợp áp dụng các biện pháp thương mại không ưu đãi về đối xử tối huệ quốc, chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, hạn chế số lượng hay hạn ngạch thuế quan, mua sắm chính phủ và thông kê thương mại.

Khái niệm

4. "**Giấy chứng nhận xuất xứ**" là văn bản do tổ chức thuộc quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hàng hoá cấp dựa trên những quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá đó.

5. "**Chuyển đổi mã số hàng hóa**" là sự thay đổi về mã số HS (trong Biểu thuế xuất nhập khẩu) của hàng hóa được tạo ra ở một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ trong quá trình sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ này.

Khái niệm

6. "Tỷ lệ phần trăm của giá trị" là phần giá trị gia tăng có được sau khi một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất, gia công, chế biến các nguyên liệu không có xuất xứ từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ này so với tổng trị giá của hàng hoá được sản xuất ra.

7. "Công đoạn gia công, chế biến hàng hoá" là quá trình sản xuất chính tạo ra những đặc điểm cơ bản của hàng hóa.

Khái niệm

8. "Thay đổi cơ bản" là việc một hàng hoá được biến đổi qua một quá trình sản xuất, để hình thành một vật phẩm thương mại mới, khác biệt về hình dạng, tính năng, đặc điểm cơ bản, hoặc mục đích sử dụng so với hàng hoá ban đầu.

9. "Sản xuất" là các phương thức để tạo ra hàng hoá bao gồm trồng trọt, khai thác, thu hoạch, chăn nuôi, chiết xuất, thu lượm, thu nhặt, đánh bắt, đánh bẫy, săn bắn, chế tạo, chế biến, gia công hay lắp ráp.



Khái niệm

10. "Nguyên liệu" bao gồm nguyên liệu thô, thành phần, phụ tùng, linh kiện, bộ phận rời và các hàng hoá mà có thể hợp lại để cấu thành một hàng hoá khác sau khi trải qua một quá trình sản xuất.

11. "Sản phẩm" là vật phẩm có giá trị thương mại, đã trải qua một hay nhiều quá trình sản xuất.

12. "Hàng hoá" bao gồm nguyên liệu hoặc sản phẩm.

Khái niệm

13/ "C/O giáp lưng" là C/O được cấp bởi Nước thành viên xuất khẩu trung gian dựa trên C/O của Nước thành viên xuất khẩu đầu tiên;

C/O giáp lưng do nước thành viên trung gian cấp được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt.

14/ "Tổ chức cấp C/O" là tổ chức được Chính phủ Nước thành viên xuất khẩu uỷ quyền cấp C/O và các thông tin của tổ chức này được thông báo tới tất cả các Nước thành viên khác theo quy định của phụ lục này;

15/ Thời hạn hiệu lực của C/O (D,E): trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp, và phải được nộp cho cơ quan Hải quan Nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn đó.

Khái niệm

16/ Hóa đơn do nước thứ ba phát hành là hóa đơn bán hàng được phát hành bởi một công ty có trụ sở tại một nước thứ ba không phải là Nước thành viên hoặc bởi một nhà xuất khẩu thành viên đại diện cho công ty đó miễn là hàng hóa đáp ứng các quy định về xuất xứ.

Trường hợp hoá đơn thương mại do bên thứ ba không phải là đối tác ký kết hợp đồng thương mại phát hành thì hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam vẫn được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt

17/ Hàng hoá nhập khẩu có C/O được đóng dấu "FOR CUMULATION PURPOSES ONLY" không được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt.

Khái niệm

18/ Thời điểm nộp C/O cho Hải quan là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu.

Trường hợp chưa nộp được C/O tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan, nếu có lý do chính đáng và người khai hải quan có văn bản đề nghị được chậm nộp C/O thì Chi cục trưởng Hải quan quyết định gia hạn thời gian nộp C/O trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

19/ Trong trường hợp có sự nghi ngờ về tính trung thực và chính xác của C/O thì đình chỉ việc áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt và tạm thu theo mức thuế suất MFN nếu hàng hoá đủ điều kiện áp dụng thuế suất MFN; trường hợp không đủ điều kiện áp dụng thuế suất MFN thì áp dụng thuế suất thông thường.

QUY TẮC XUẤT XỨ ƯU ĐÃI

1/ Quy tắc xuất xứ ưu đãi theo các điều ước quốc tế:

Việc xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu để được hưởng chế độ ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan được áp dụng theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định chi tiết việc thi hành các Điều ước này.

QUY TẮC XUẤT XỬ ƯU ĐÃI

2/ Quy tắc xuất xứ ưu đãi theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác:

Việc xác định xuất xứ hàng hoá xuất khẩu để được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập và các ưu đãi đơn phương khác được thực hiện theo quy tắc xuất xứ của nước nhập khẩu dành cho các ưu đãi này.



QUY TẮC XUẤT XỨ CHUNG

Hàng hoá được coi là có xuất xứ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Xuất xứ thuần túy.
- + Xuất xứ không thuần túy.

The background features a light green balloon in the top left, a light blue balloon in the middle left, and a light purple balloon in the bottom left. Yellow streamers and triangular shapes are scattered throughout the scene.

Xuất xứ thuần túy (W.O)

Hàng hóa có xuất xứ thuần túy là những sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên hoặc là những sản phẩm được gia công hay chế biến không có sự tham gia của nguyên vật liệu nhập khẩu hoặc không rõ xuất xứ.

Xuất xứ thuần túy

* Các sản phẩm có xuất xứ thuần túy:

1. Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng được thụ hoạch tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó.
2. Động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó.
3. Các sản phẩm từ động vật sống nêu tại khoản 2.
4. Các sản phẩm thu được từ săn bắn, đặt bẫy, đánh bắt, nuôi trồng, thu lượm hoặc săn bắt tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó.

Xuất xứ thuần túy

5. Các khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên, không được liệt kê từ khoản 1 đến khoản 4, được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, nước, đáy biển hoặc dưới đáy biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó.
6. Các sản phẩm lấy từ nước, đáy biển hoặc dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của quốc gia, vùng lãnh thổ, với điều kiện quốc gia, vùng lãnh thổ đó có quyền khai thác đối với vùng nước, đáy biển và dưới đáy biển theo luật pháp quốc tế.
7. Các sản phẩm đánh bắt và các hải sản khác đánh bắt từ vùng biển cả bằng tàu được đăng ký với quốc gia đó và được phép treo cờ của quốc gia đó.

Xuất xứ thuần túy

8. Các sản phẩm được chế biến hoặc được sản xuất ngay trên tàu từ các sản phẩm nêu tại khoản 7 được đăng ký ở quốc gia, vùng lãnh thổ đó và được phép treo cờ của quốc gia, vùng lãnh thổ đó.
9. Các vật phẩm có được ở quốc gia, vùng lãnh thổ đó hiện không còn thực hiện được những chức năng ban đầu và cũng không thể sửa chữa hay khôi phục được và chỉ có thể vứt bỏ hoặc dùng làm các nguyên liệu, vật liệu thô, hoặc sử dụng vào mục đích tái chế.
10. Các hàng hoá có được hoặc được sản xuất từ các sản phẩm nêu từ khoản 1 đến khoản 9 ở quốc gia, vùng lãnh thổ đó.

Xuất xứ không thuần túy

- ▶ Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy là hàng hóa trong quá trình SX hoặc gia công hay chế biến có thành phần NVL hoặc lao động của hai hay nhiều nước tham gia vào hoạt động tạo ra sản phẩm này.

A decorative background featuring a light green balloon in the top left, a light blue balloon in the middle left, and a light purple balloon in the bottom left. Yellow streamers and small yellow triangles are scattered throughout the scene.

Xuất xứ không thuần túy

- Hàng hóa được công nhận có xuất xứ từ một quốc gia, vùng lãnh thổ khi quốc gia, vùng lãnh thổ đó thực hiện cộng đoạn chế biến cơ bản cuối cùng làm thay đổi cơ bản hàng hóa này.

Xuất xứ không thuần túy

- **Tiêu chí xác định sự thay đổi cơ bản:**
 - + "Chuyển đổi mã số hàng hoá"
(là tiêu chí chính)
 - + "Tỉ lệ phần trăm của giá trị";
 - + "Công đoạn gia công hoặc chế biến hàng hóa".
(là các tiêu chí bổ sung hoặc thay thế)

Chuyển đổi mã số hàng hoá (C.T.C)

Là sự thay đổi về mã số HS (Harmonize system) của hàng hóa được tạo ra ở một quốc gia trong quá trình sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ của quốc gia này.

Chuyển đổi mã số hàng hoá

1/ Chuyển đổi chương (C.C)

Là chuyển đổi từ bất kỳ chương nào khác đến một chương, nhóm hoặc phân nhóm. Có nghĩa tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã số HS ở cấp độ 2 số

Chuyển đổi mã số hàng hoá

2/ Chuyển đổi nhóm (C.T.H):

Là chuyển đổi từ bất kỳ nhóm nào khác đến một chương, nhóm hoặc phân nhóm. Có nghĩa tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã số HS ở cấp độ 4 số

Chuyển đổi mã số hàng hoá

3/ Chuyển đổi phân nhóm (C.T.S.H)

Là chuyển đổi từ bất kỳ phân nhóm nào khác đến một chương, nhóm hoặc phân nhóm. Có nghĩa tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất ra sản phẩm phải trải qua sự chuyển đổi mã số HS ở cấp độ 6 số



Tỉ lệ phần trăm của giá trị

Là phần giá trị gia tăng có được sau khi một quốc gia sản xuất, gia công, chế biến các nguyên liệu không có xuất xứ từ quốc gia này so với tổng trị giá của hàng hóa được sản xuất ra.



Tỉ lệ phần trăm của giá trị

**GIÁ FOB - GIÁ NGUYÊN LIỆU
KHÔNG CÓ XUẤT XỨ**

----- x 100%

GIÁ FOB

Tỉ lệ phần trăm của giá trị

- “Nguyên liệu không có xuất xứ” bao gồm nguyên liệu có xuất xứ từ một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác và nguyên liệu không rõ xuất xứ.
- “Giá nguyên liệu không có xuất xứ từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất” là giá CIF của nguyên liệu NK hoặc giá tại thời điểm mua vào ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.
- “Giá FOB” là giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu.



Gia công, chế biến

- Công đoạn gia công, chế biến hàng hoá là quá trình sản xuất chính tạo ra những đặc điểm cơ bản của hàng hóa.

Gia công, chế biến giản đơn

- * Những công đoạn gia công, chế biến giản đơn không được xét đến khi xác định xuất xứ hàng hoá, gồm:
 2. Các công việc bảo quản hàng hoá trong quá trình vận chuyển và lưu kho (thông gió, trải ra, sấy khô, làm lạnh, ngâm trong muối, xông lưu huỳnh hoặc thêm các phụ gia khác, loại bỏ các bộ phận bị hư hỏng và các công việc tương tự).
 2. Các công việc như lau bụi, sàng lọc, chọn lựa, phân loại (bao gồm cả việc xếp thành bộ) lau chùi, sơn, chia cắt ra từng phần.

Gia công, chế biến giản đơn

3. Thay đổi bao bì đóng gói và tháo dỡ hay lắp ghép các lô hàng; đóng chai, lọ, đóng gói, bao, hộp và các công việc đóng gói bao bì đơn giản khác.
4. Dán lên sản phẩm hoặc bao gói của sản phẩm các nhãn hiệu, nhãn, mác hay các dấu hiệu phân biệt tương tự.
5. Việc trộn đơn giản các sản phẩm, kể cả các thành phần khác nhau, nếu một hay nhiều thành phần cấu thành của hỗn hợp không đáp ứng điều kiện đã quy định để có thể được coi như có xuất xứ tại nơi thực hiện việc này.

Gia công, chế biến giản đơn

6. Việc lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm để tạo nên một sản phẩm hoàn chỉnh.
7. Kết hợp của hai hay nhiều công việc đã liệt kê từ khoản 1 đến khoản 6.
8. Giết, mổ động vật.



Quy tắc Cộng gộp

- Hàng hoá có xuất xứ của một Nước thành viên, được sử dụng làm nguyên vật liệu tại lãnh thổ của một Nước thành viên khác để sản xuất ra một hàng hoá đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế quan, sẽ được coi là có xuất xứ của Nước thành viên nơi việc sản xuất hoặc chế biến hàng hoá đó diễn ra.

Quy tắc vận chuyển thẳng

- Hàng hoá sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan nếu đáp ứng đầy đủ những quy định của phụ lục này và phải được vận chuyển trực tiếp từ lãnh thổ của Nước thành viên xuất khẩu tới lãnh thổ của Nước thành viên nhập khẩu.

Quy tắc vận chuyển thẳng

- 1/ Hàng hoá được vận chuyển từ một Nước xuất khẩu tới một Nước nhập khẩu; hoặc
- 2/ Hàng hoá được vận chuyển qua một hoặc nhiều Nước, hoặc qua một nước không phải là Nước thành viên, với điều kiện:
 - Quá cảnh là cần thiết vì lý do địa lí hoặc do các yêu cầu có liên quan trực tiếp đến vận tải;
 - Hàng hoá không tham gia vào giao dịch thương mại hoặc tiêu thụ tại nước quá cảnh đó; và
 - Hàng hoá không trải qua bất kỳ công đoạn nào khác ngoài việc dỡ hàng và bốc lại hàng hoặc những công đoạn cần thiết để giữ hàng hoá trong điều kiện tốt.



Quy tắc cụ thể mặt hàng

“Quy tắc cụ thể mặt hàng” là quy tắc yêu cầu nguyên vật liệu phải trải qua quá trình thay đổi mã số hàng hoá hoặc trải qua công đoạn gia công, chế biến của hàng hoá, hoặc phải đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực (hay còn gọi là tỉ lệ phần trăm của giá trị) hoặc kết hợp giữa các tiêu chí nêu trên.



Quy tắc cụ thể mặt hàng

Không xét đến tiêu chí xuất xứ chung, nếu hàng hóa nào thuộc Phụ lục do Bộ Công Thương ban hành bộ tiêu chí xuất xứ (WO; RVC; CC; CTH; CTSH) sẽ được coi là hàng hóa có xuất xứ nếu đáp ứng các tiêu chí tương ứng quy định tại Phụ lục đó.



Quy tắc cụ thể mặt hàng

- Khi quy tắc cụ thể mặt hàng cho phép lựa chọn tiêu chí RVC, CTC, công đoạn gia công chế biến cụ thể (SP), hoặc kết hợp giữa các tiêu chí nêu trên, mỗi nước thành viên cho phép người xuất khẩu quyết định sử dụng tiêu chí nào để xác định xuất xứ hàng hóa.

A decorative background featuring a green balloon at the top left, a blue balloon in the middle left, and a purple balloon at the bottom left. Yellow streamers and triangular shapes are scattered around the balloons.

Quy tắc cụ thể mặt hàng

- Khi quy tắc cụ thể mặt hàng quy định hàm lượng RVC nhất định, việc tính toán RVC phải căn cứ theo đúng công thức quy định.
- Tiêu chí CTC, SP chỉ áp dụng đối với nguyên liệu không có xuất xứ.

Xác định xuất xứ của bao bì, phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, hàng hoá chưa được lắp ráp hoặc bị tháo rời

1. Vật phẩm dùng để đóng gói, nguyên liệu đóng gói, và bao bì của hàng hoá được coi như có cùng xuất xứ đối với hàng hoá mà nó chứa đựng và thường dùng để bán lẻ.

Xác định xuất xứ của bao bì, phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ, hàng hoá chưa được lắp ráp hoặc bị tháo rời

2. Tài liệu giới thiệu, hướng dẫn sử dụng hàng hoá; phụ kiện, phụ tùng, dụng cụ đi kèm hàng hoá với chủng loại số lượng phù hợp cũng được coi là có cùng xuất xứ với hàng hoá đó.
3. Hàng hoá chưa được lắp ráp hoặc đang ở tình trạng bị tháo rời được nhập khẩu thành nhiều chuyến hàng do điều kiện vận tải hoặc sản xuất không thể nhập khẩu trong một chuyến hàng, nếu người nhập khẩu có yêu cầu, xuất xứ của hàng hoá trong từng chuyến hàng được coi là có cùng xuất xứ với hàng hoá đó.

Các yếu tố gián tiếp không được xét đến khi xác định xuất xứ hàng hoá

- Xuất xứ của công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, năng lượng được sử dụng để sản xuất hàng hóa hoặc nguyên liệu được sử dụng trong quá trình sản xuất nhưng không còn lại trong hàng hóa hoặc không được tạo nên một phần của hàng hóa không được xét đến khi xác định xuất xứ hàng hóa.

Các trường hợp phải nộp C/O cho cơ quan hải quan

- 1) Hàng hoá có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước nước có thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam (trừ hàng hoá nhập khẩu có trị giá FOB không vượt quá 200 USD);
- 2) Hàng hoá đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khoẻ của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát;

Các trường hợp phải nộp C/O cho cơ quan hải quan

- 3) Hàng hoá đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử, các biện pháp về thuế để tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan;
- 4) Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ các chế độ quản lý nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các Điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương mà Việt Nam là thành viên;

Xác nhận trước xuất xứ hàng hóa nhập khẩu

- Người nhập khẩu nếu có nhu cầu xác nhận trước xuất xứ cho hàng nhập khẩu phải gửi văn bản, tài liệu liên quan đề nghị cơ quan Hải quan xác nhận bằng văn bản về xuất xứ cho lô hàng sắp được nhập khẩu.
- Việc xác định trước xuất xứ chỉ có giá trị làm TTHQ, không có giá trị xem xét hưởng ưu đãi thuế đặc biệt.

Quy tắc xuất xứ Asean - Mẫu D

Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17/5/2010 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quy tắc xuất xứ Hiệp định thương mại hàng hóa Asean (còn được gọi là Hiệp định ATIGA);

Quy tắc xuất xứ Asean-Trung Quốc Mẫu E

1. Quyết định số 12/2007/QĐ-BTM ngày 31/5/2007 của Thương mại hướng dẫn thực hiện quy tắc xuất xứ Hiệp định thương mại hàng hóa Asean/ China;
2. Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010 của Bộ Công Thương sửa đổi QĐ 12; Thông tư số 01/2011/TT-BCT ngày 14/01/2011; Thông tư 37/2011/TT-BCT ngày 10/10/2011 sửa đổi Thông tư số 36/2010/TT-BCT.

Quy tắc xuất xứ Asean–Hàn Quốc Mẫu AK

1. Quyết định số 02/2007/QĐ-BTM ngày 08/01/2007 của Bộ Thương mại và Thông tư số 17/2009/TT-BCT ngày 29/6/2010 của Bộ Công Thương sửa đổi QĐ 02;
2. Quyết định 05/2007/QĐ-BTM ngày 05/10/2007 của Bộ Thương mại và Thông tư số 38/2009/TT-BCT ngày 18/12/2009 của Bộ Công Thương;

Quy tắc xuất xứ Asean-Nhật Bản Mẫu AJ

- 1/ Quyết định số 44/2008/QĐ-BCT ngày 08/12/2008 của Bộ Công Thương;
- 2/ Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18/5/2009 của Bộ Công Thương;



Quy tắc xuất xứ Asean-Úc- Niu Di Lân- Mẫu AANZ

- Thông tư số 33/2009/TT-BCT ngày 11/11/2009 của Bộ Công Thương;



Quy tắc xuất xứ Asean-Ấn Độ Mẫu AI

- Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/4/2010 của Bộ Công Thương;



Quy tắc xuất xứ Việt Nam–Nhật Bản Mẫu VJ

- Thông tư 10/2009/TT-BCT ngày 18/5/2009 của Bộ Công Thương

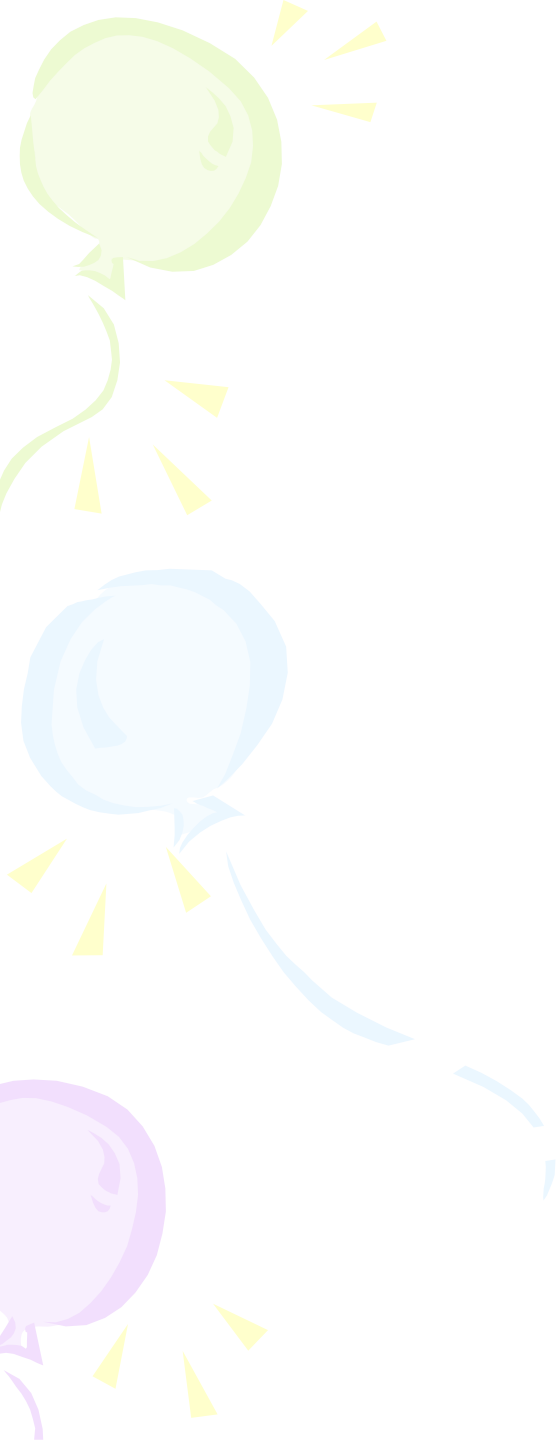
Quy tắc xuất xứ Việt Nam- Lào Mẫu S

- 1/ Quyết định số 865/2004/QĐ-BTM ngày 29/6/2004 của Bộ Thương mại.
- 2/ Quyết định số 2368/2005/QĐ-BTM ngày 16/9/2005 của Bộ Thương mại sửa đổi QĐ 865/2004/QĐ-BTM.



Quy tắc xuất xứ Việt Nam- Campuchia Mẫu S và Mẫu X

- Thông tư số 17/2011/TT/ BCT ngày 14/4/2011 của Bộ Công Thương.



THANKS !